

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 193/2024/DS-ST

Ngày: 27/9/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Trần Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-DS ngày 19/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: B, ngách D Ngõ G Cầu G, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Huyền C – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H2); địa chỉ: B N, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu S – Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982 và bà Lê Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H2); địa chỉ: B N, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu S – Chuyên viên xử lý nợ.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S có mặt. Bị đơn ông H, bà T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H1 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Đ (ông S) trình bày:*

Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) là bên mua lại khoản nợ của ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T theo hợp đồng mua bán nợ số 0198.12.2023/HĐMBN-02 ngày 28/12/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng H2) và Công ty Đ.

Ngân hàng H2 có cho ông H, bà T vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5253/21MN/HĐTD ngày 02/02/2021 cho vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 10%/năm. Ngày giải ngân 04/02/2021, ngày đến hạn thanh toán 03/02/2031.

- Hợp đồng tín dụng số 29119/22MN/HĐTD ngày 01/7/2022 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 10,7%/năm. Ngày giải ngân 05/7/2022, ngày đến hạn thanh toán 04/7/2032.

- Hợp đồng tín dụng số 44505/22MN/HĐTD ngày 28/12/2022 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng, lãi suất 14,5%/năm. Ngày giải ngân 31/12/2022, ngày đến hạn thanh toán 30/8/2023.

Phương thức áp dụng: Lãi suất này được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên nhận nợ nhận tiền vay theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định của H2 trong từng thời kỳ.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nước giải khát.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Lãi suất chậm trả: 10% và có thể được H2 điều chỉnh theo quy định của H2 trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng N trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trên là quyền sử dụng đất số CQ119664, số vào sổ cấp GCN: CS04076 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 20/3/2019 thửa đất số 04, tờ bản

đồ số 48 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3921/21MN/HĐBĐ ngày 02/02/2021 được công chứng thế chấp tại Văn phòng C1 ngày 02/02/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 3921/21MN/HĐBĐ/PL1 ngày 01/7/2022 được công chứng thế chấp tại Văn phòng C1 ngày 01/7/2022. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 03/02/2021.

Qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, ông H, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng H2 (nay là công ty Đ). Tính đến ngày 13/11/2023 ông H và bà T còn nợ Ngân hàng H2 (nay là công ty Đ) tổng số tiền là 2.169.048.065 đồng (trong đó nợ gốc 2.051.900.000 đồng; lãi trong hạn là 72.282.284 đồng và lãi quá hạn là 44.865.781 đồng).

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2024 Công ty Đ yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2023 là 2.169.048.065 đồng (trong đó nợ gốc 2.051.900.000 đồng; lãi trong hạn là 72.282.284 đồng và lãi quá hạn là 44.865.781 đồng).

+ Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T phải thanh toán lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với H2 kể từ ngày 14/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Trường hợp ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Đ thì Công ty Đ được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp tại H2, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T với Công ty Đ. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T tại Công ty Đ, thì ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Tại phiên tòa, ông S đại diện cho Công ty Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T thanh toán số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 2.483.722.331 đồng (trong đó nợ gốc 2.051.900.000 đồng; lãi trong hạn là 180.460.965 đồng và lãi quá hạn là 251.361.366 đồng).

Ngoài ra, ông S không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông H, bà T vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H2) (ông S) trình bày:*

Thống nhất ý kiến của Công ty Đ.

** Theo bản tự khai ngày 16/7/2024, ngày 05/9/2024, quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà H1) trình bày:*

Bà H1 có thể chấp cho Ngân hàng H2 quyền sử dụng đất thửa số 04 tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04076 ngày 20/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H1 để bảo đảm cho khoản vay của ông H và bà L để vay số tiền là 2.200.000.000 đồng.

Nay Công ty Đ yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán số tiền ông H, bà L vay của ngân hàng H2 trong trường hợp ông H, bà L không thanh toán nợ thì bà H1 đồng ý phát mãi.

Ngoài ra, bà H1 không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Công ty Đ khởi kiện ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T yêu cầu thanh toán số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 2.483.722.331 đồng (trong đó nợ gốc 2.051.900.000 đồng; lãi trong hạn là 180.460.965 đồng và lãi quá hạn là 251.361.366 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5253/21MN/HĐTD ngày 02/02/2021; Hợp đồng tín dụng số 29119/22MN/HĐTD ngày 01/7/2022 và Hợp đồng tín dụng số 44505/22MN/HĐTD ngày 28/12/2022. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H, bà T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H, bà T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H1 có đơn

xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà T, bà H1.

Công ty Đ là bên mua lại khoản nợ của ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T theo hợp đồng mua bán nợ số 0198.12.2023/HĐMBN-02 ngày 28/12/2023 được ký kết giữa Ngân hàng H2 và Công ty Đ. Nên Công ty Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu ông H, bà T là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Ông H và bà T có vay của Ngân hàng H2 tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 5253/21MN/HĐTD ngày 02/02/2021 cho vay số tiền là 200.000.000 đồng. Ngân hàng H2 đã giải ngân cho ông H, bà T theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5253/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 03/02/2021 với số tiền là 200.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 29119/22MN/HĐTD ngày 01/7/2022 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Ngân hàng H2 đã giải ngân cho ông H, bà T theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 29119/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 04/7/2022 với số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 44505/22MN/HĐTD ngày 28/12/2022 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng. Ngân hàng H2 đã giải ngân cho ông H, bà T theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 44505/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 30/12/2022 với số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Các hợp đồng này được ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ.

Tính đến ngày 27/9/2024 ông H, bà T còn nợ Ngân hàng H2 (nay là Công ty Đ) tổng số tiền là 2.483.722.331 đồng. Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 5253/21MN/HĐTD ngày 02/02/2021 còn nợ lại số tiền là 177.661.113 đồng (trong đó tiền gốc 151.860.000 đồng, lãi trong hạn 21.907.709 đồng và lãi quá hạn 3.893.404 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 29119/22MN/HĐTD ngày 01/7/2022 còn nợ lại số tiền là 1.055.237.812 đồng (trong đó tiền gốc 900.040.000 đồng, lãi trong hạn 133.955.995 đồng và lãi quá hạn 21.241.817 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 44505/22MN/HĐTD ngày 28/12/2022 còn nợ lại số tiền là 1.250.823.406 đồng (trong đó tiền gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 24.597.261 đồng và lãi quá hạn 226.226.145 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà T đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi và các chi phí khác đầy đủ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông H, bà T nhiều lần nhưng ông H, bà T vẫn không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín

dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông H, bà T phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 2.483.722.331 đồng (trong đó nợ gốc 2.051.900.000 đồng; lãi trong hạn là 180.460.965 đồng và lãi quá hạn là 251.361.366 đồng).

[3] Đối với yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H, bà T không thanh toán nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì bà H1 có thể chấp cho Ngân hàng H2 quyền sử dụng đất số CQ119664, số vào sổ cấp GCN: CS04076 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 20/3/2019 thửa đất số 04, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3921/21MN/HĐBĐ ngày 02/02/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 3921/21MN/HĐBĐ/PL1 ngày 01/7/2022. Xét thấy việc thế chấp tài sản của bà H1 để bảo đảm cho khoản vay trên của ông H, bà T là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Công ty Đ yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp tại H2 để thu hồi nợ trong trường hợp ông H và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Đ thì bà H1 đồng ý và phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chi phí xem xét thẩm định là 5.000.000 đồng. Công ty Đ đã nộp xong, ông H, bà T có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty Đ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, bà T chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty Đ.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Công ty TNHH Đ đối với ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền tính đến hết ngày 27/9/2024 là 2.483.722.331 đồng (hai tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn ba trăm ba mươi một đồng) (trong đó nợ gốc 2.051.900.000 đồng (hai tỷ không trăm năm mươi một triệu chín trăm nghìn đồng); lãi trong hạn là 180.460.965 đồng (một trăm tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng) và lãi quá hạn là 251.361.366 đồng (hai trăm năm mươi một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng)).

Kể từ ngày 28/9/2024, nếu ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông H, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5253/21MN/HĐTD ngày 02/02/2021; Hợp đồng tín dụng số 29119/22MN/HĐTD ngày 01/7/2022 và Hợp đồng tín dụng số 44505/22MN/HĐTD ngày 28/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 5253/21MN/HĐTD ngày 02/02/2021; Hợp đồng tín dụng số 29119/22MN/HĐTD ngày 01/7/2022 và Hợp đồng tín dụng số 44505/22MN/HĐTD ngày 28/12/2022, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố H thì lãi suất mà ông H, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH Đ theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

1.2. Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Công ty TNHH Đ thì Công ty TNHH Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 3921/21MN/HĐBĐ ngày 02/02/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 3921/21MN/HĐBĐ/PL1 ngày 01/7/2022 để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị T liên đới chịu 81.674.446 đồng (tám mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ 37.690.481 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm tám mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000244 ngày 27/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Trang

Trương Hữu Bình

Đặng Thị Thùy Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Hồ Đắc Minh

Trương Hữu Bình

Đặng Thị Thùy Linh

